

KHỔNG GIÁO VÔ THẦN HAY HỮU THẦN [1]

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



«**Khổng giáo vô thần hay hữu thần**» đó là một đề tài đã gây sóng gió hơn một trăm năm tại Trung Hoa và Âu Châu.

Cho nên khảo về vấn đề này và đặt lại nó vào hoàn cảnh lịch sử của nó, ta sẽ hiểu rõ tại sao xưa, người ta lại có những quan niệm tương phản nhau, và nhân đó cũng sẽ giúp cho chúng ta có một ý niệm chính xác hơn về vấn đề.

Trong bài này tôi sẽ trình bày vấn đề một cách khách quan và sẽ lần lượt bàn về:

- 1) Thái độ của các vị giáo sĩ khi sang giảng đạo bên Trung Hoa.
- 2) Quan niệm của ít nhiều giáo sĩ dòng Tên về Khổng giáo và phương pháp giảng giáo của các Ngài.
- 3) Quan niệm của đa số các giáo sĩ khác về Khổng giáo và phương pháp giảng giáo của các ngài. Thái độ của các Giáo hoàng.
- 4) Quan điểm của vua Khang Hi.
- 5) Quan niệm về Thượng đế qua Tứ Thư Ngũ Kinh.
- 6) Quan niệm về Thái Cực của Tống Nho.
- 7) Tổng luận.

Muốn bàn về vấn đề này chúng ta hãy cùng nhau trở về dĩ vãng, sống lại khoảng đầu thế kỷ XVII, khi mà các giáo sĩ Âu Châu bắt đầu sang truyền giáo tại Trung Hoa một cách qui mô và liên tục.

Nói thế có nghĩa là trước thế kỷ XVII, các giáo hoàng và vua chúa Âu Châu cũng đã từng có những liên lạc ngoại giao với Trung Quốc.

Giáo hoàng Innocent IV (1241-1254) đã gửi một sứ thần tên là Jean de Plan sang vua Thái Tổ (Gengis Khan) nhà Nguyên ở Karakourum. [2]

Vua Louis IX (1214-1270) nước Pháp đã tìm cách ngoại giao với vua chúa Trung Hoa qua trung gian Guillaume Ruysbroeck. [3]

Giáo hoàng Clément IV (1265-1268) cũng đã có liên lạc ngoại giao với vua Thế Tổ nhà Nguyên (Koubilai Khan) ở Bắc Kinh. [4]

Những liên lạc ngoại giao ấy nhằm vào hai mục đích: giảng giáo và tìm một liên minh mạnh mẽ có thể uy hiếp Hồi giáo ở phía sau lưng. [5]

Năm 1269, Nguyên Thế Tổ cũng đã gửi sứ thần sang Tòa Thánh xin Giáo hoàng gửi cho 100 đại biểu đến họp đại hội các tôn giáo ở Bắc Kinh.

Nhưng mãi đến đầu thế kỷ XVII, các giáo sĩ Âu Châu mới sang Trung Hoa đông đảo. Chúng ta ghi nhận: Linh mục Matteo Ricci, dòng Tên, đã tới Bắc Kinh năm 1598, và đã xin vào bệ kiến vua Khang Hi ngày 4-4-1601, với tư cách một nhà bác học thông thiên văn, địa lý, toán học, sẵn sàng phục vụ nhà vua... [6]

I. THÁI ĐỘ CHUNG CỦA CÁC GIÁO SĨ ÂU CHÂU KHI SANG GIẢNG GIÁO BÊN TRUNG HOA.

Các giáo sĩ sang giảng giáo ở Trung Hoa dĩ nhiên là những người can trường, coi thường sinh mệnh; lắm người lại rất có học thức.

Nhất là các linh mục dòng Tên: Ngoài khả năng đạo giáo, họ còn có nhiều tài ngoại như am tường thiên văn, lịch số, âm nhạc, kỹ thuật. Linh mục Shall còn đúc cả súng giúp vua nhà Minh. [7]

Các linh mục dòng Tên thường có một thái độ uyển chuyển hơn, chủ trương chinh phục Khang Hi và triều đình trước đã, rồi ra sẽ chinh phục được dân chúng một cách dễ dàng.

Họ muốn dùng đạo Khổng làm bàn đạp để giảng đạo Công giáo, nên chủ trương phải khen đạo Khổng, nhưng khen một cách vừa phải; còn nếu cần chê, thì chê nhẹ nhàng. Trái lại cần phải đả kích Phật, Lão nặng nề. [8]

Các giáo sĩ các dòng khác thường có thái độ cố chấp, cho rằng ngoài dân Do Thái ra không thể nào có dân nào khác được mặc khải về Thiên Chúa. [9]

Họ coi các dân tộc Á Đông như là những dân tộc man di, mọi rợ; giống «khỉ», nhiều hơn là giống «người», [10] có thành Công giáo thì cũng chỉ thành được những thứ công giáo thấp kém, [11] không thể nào coi ngang hàng với người Âu Châu được. [12]

Các giáo sĩ Âu Châu hồi ấy lại còn bị ảnh hưởng nặng nề của giáo phái Jansénisme, nên đã cho rằng:

«Những dân tộc sống ngoài đạo công giáo đều sa địa ngục hết. [13]

«Vua chúa Trung Hoa đều sa địa ngục hết.» [14]

«Khổng Tử cũng sa hỏa ngục đời đời như các đại triết gia Hi-Lạp: Platon, Socrate, Pline, Aristote Sénèque...» [15]

Giám mục Maigrot, sứ thần tòa thánh (1652-1730) đã dám nói thẳng vào mặt vua Khang Hi rằng nhà vua là một kẻ theo tà đạo. [16]

Giám mục Tournon, vị sứ thần tòa thánh đại diện Giáo Hoàng Innocent X, đến Bắc Kinh vào tháng 12 năm 1705 cũng tuyên bố: «Vua cũng như các bậc thức giả Trung Hoa đều là vô thần, đều theo tà đạo, các lễ nghi Trung Hoa đều là dị đoan và đáng cấm đoán. Và vì quyết định đó là của Giáo Hoàng nên không thể bàn cãi gì được nữa.» [17]

Nhiều nhà truyền giáo lại còn cho rằng lịch sử Trung Hoa không thể nào lâu lai, cổ kính, như người Trung Hoa đã viết, vì nếu thực như vậy, là trái với thánh kinh! [18]

Nói chung thì các giáo sĩ Âu Châu đã chủ trương phải phá bình địa các đạo giáo, các học thuyết triết học Trung Hoa để giảng rao Thiên Chúa giáo. [19]

Những thái độ cứng rắn và cao ngạo nói trên cũng có thể giải thích thêm được, nếu chúng ta ghi nhớ rằng Trung Hoa càng ngày càng mất thế giá trước những thế lực đang lên của Tây phương, với những chiến hạm và những hòng súng đen ngòm càng ngày càng sẵn sàng cho dân Trung Hoa nếm mùi đạn lửa. [20]

Hiểu được thái độ chung nói trên, chúng ta mới hiểu rõ tầm mức giá trị của những lời phê phán của họ về Khổng giáo.

II. QUAN NIỆM CỦA ÍT NHIỀU GIÁO SĨ DÒNG TÊN VỀ KHỔNG GIÁO VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG GIÁO CỦA CÁC NGÀI

Nói là Dòng Tên nhưng thực ra chỉ có một số ít linh mục dòng Tên như Ricci, Lecomte, Couplet, Intorcetta, Rougemont, du Halde v.v... chủ trương Khổng giáo hữu thần, còn nhiều linh mục dòng Tên khác như Longobardo, Ruggieri cũng cho rằng Khổng giáo là vô thần. [21]

L.M. Ricci chủ trương: «Tôi đã nhận thấy có nhiều đoạn (trong Tứ thư, Ngũ kinh) phù hợp với tín ngưỡng chúng ta, ví dụ như Thiên Chúa duy nhất, linh hồn bất tử, các thánh nhân được vinh quang v.v...» [22]

Cha Lecomte viết: «Đạo giáo Trung Hoa hình như đã giữ được tinh toàn qua các thế hệ những chân lý chính yếu mà Thiên Chúa đã mặc khải cho những người sơ thủy. Trung Hoa, lúc sơ khai, may mắn hơn các nước trong hoàn vũ, đã thấm lượm hầu như từ chính mạch chính nguồn, những chân lý thánh thiện và chính yếu cho đạo giáo cổ thời của họ. Những vị Hoàng đế đầu tiên đã xây đền thờ Thiên Chúa, và thực không phải là một vinh dự nhỏ cho dân Trung Hoa vì đã tế lễ Tạo Hóa trong một đền thờ cổ kính nhất thiên hạ. Niềm đạo hạnh ban sơ đã gìn giữ được trong dân chúng nhờ công lao của các vị Hoàng đế, vì thế mà tà đạo đã không lọt được vào Trung Quốc...» [23]

Cũng nên ghi nhận rằng quan điểm trên đây của cha Lecomte đã hoàn toàn bị Đại học Sorbonne phi bác. [24]

Cha Du Halde, trong bộ sách của ông về Trung Hoa cũng đã bình luận dài dòng về đạo giáo Trung Hoa.

L.M. Du Halde viết: «Trong kinh Thư, ta thấy các vị Hoàng đế Trung Hoa khẩn cầu Thượng đế để ngài đừng gieo tai giáng họa cho dòng dõi mình.

«Cũng nên ghi nhận rằng họ gán cho Thượng đế những đặc tính xứng đáng và thích nghi cho một vị chủ tể hoàn vũ. Họ cho rằng Thượng đế toàn năng, biết quan phòng, thông sáng, công bình nhân ái. Họ gọi Ngài là cha, là Chúa, họ thờ Ngài bằng một sự phụng thờ và tế lễ thích hợp với sự cao cả tuyệt phẩm

của Ngài, và bằng cách tu nhân tích đức. Họ quả quyết rằng lễ nghi bên ngoài không làm đẹp lòng Trời mà lễ nghi chỉ đẹp lòng Trời khi nó xuất tự tâm xoang...» [\[25\]](#)

Du Halde lại còn dùng lịch sử để chứng minh rằng liên tiếp qua nhiều thời đại, nhiều thế hệ, từ Phục Hi, Thần Nông, Hoàng đế, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ v... các vua chúa đã thờ phụng thượng đế, và dẫn chứng nhiều đoạn kinh Thi chứng minh điều đó. [\[26\]](#)

L.M. Du Halde cho rằng: «Gọi người Trung Hoa là vô đạo là một sự mạ lị bất công.» [\[27\]](#)

Ông tuyên bố rằng với tư cách một sử gia. Ông cần minh xác rằng các học giả Trung Hoa khi dùng những danh hiệu Trời hay Thượng đế đã hiểu là đấng Tạo Hóa. [\[28\]](#)

Ông cũng cho rằng Thiên hay Thượng đế cũng đồng nghĩa. [\[29\]](#)

Các Linh mục dòng Tên còn họp nhau lại để bình dịch Luận Ngữ, Trung Dung, Đại Học, dưới nhan đề là: Confucius sinarum philosophus, xuất bản tại Goa ngày 1 tháng 10 năm 1667 (dưới tiêu đề: Sinarum scientia politico-moralis) và tại Trung Hoa. [\[30\]](#)

Trong tập sách này ta thấy có tiểu sử của Khổng Tử do L.M. Intorcetta viết.

Intorcetta hết sức ca tụng Trung Dung, và cho rằng đó là một bình minh báo trước mặt trời Phúc âm. [\[31\]](#)

Trong tiểu sử Khổng Tử, L.M. Intorcetta đã kết luận: Đừng nên khen Khổng Tử thái quá, vì như vậy sẽ cho dân Trung Hoa càng thêm lòng tôn kính Khổng Tử hơn. Nhưng mà muốn chê, cũng phải dè dặt... bởi vì «nếu chúng ta khinh khi và phi bác một người dạy dỗ không biết bao nhiêu là những điều hợp nghĩa lý, và đã luôn luôn cố gắng sống đúng theo những lời dạy, thì đối với người Trung Hoa, người Âu Châu chúng ta có thể trở nên những kẻ thù địch, không phải của vị sư biểu của họ, mà chính là những kẻ thù địch, của lý trí, muốn vui dập ánh sáng lý trí hơn là phi bác Khổng Tử.» [\[32\]](#)

Dòng Tên như vậy đã muốn dung hợp Khổng giáo với Công giáo. Các ngài đề nghị:

- Dùng chữ Thiên để dịch chữ «DEUS» (Đieu) của Công giáo.
- Cho phép dân chúng, khi đã theo Công giáo, được tiếp tục dự những ngày quốc lễ tôn sùng Khổng Tử.

- Cho phép họ được tiếp tục kính nhớ tổ tiên, hương hoa cúng quải.

- Dùng tiếng Trung Hoa thay tiếng Latinh để hành lễ bên Trung Hoa. [\[33\]](#)

Những đề nghị táo bạo trên đã gây sóng gió tại Trung Quốc và Âu Châu, giữa:

- Các giáo sĩ dòng Tên, có vua Khang Hi làm hậu thuẫn.

- Các giáo sĩ các dòng khác, có các Giáo Hoàng làm hậu thuẫn. [\[34\]](#)

Rốt cuộc dòng Tên đã thua, bị gán cho những tội hết sức ghê gớm, như phá hoại đạo Công giáo, phá hoại giáo hội, và bị giải tán vĩnh viễn theo lệnh của Giáo Hoàng Clément XIV (1769-1774). [\[35\]](#)

Sử gia Toynbee, sau này cho rằng những giáo sĩ dòng Tên thực đã hiểu biết sự cần thiết phải lưu tâm đến tâm lý những người bản quốc, nhưng giáo hội công giáo đã làm mất cơ duyên tốt đẹp ấy. [\[36\]](#)

III. QUAN NIỆM CỦA ĐA SỐ CÁC GIÁO SĨ KHÁC VỀ KHỔNG GIÁO VÀ PHƯƠNG

PHÁP GIẢNG GIÁO CỦA CÁC NGÀI. THÁI ĐỘ CỦA CÁC GIÁO HOÀNG

- Qua ngôn ngữ, thái độ của các vị sứ thần Toà thánh như:

. Moralès (sang Trung Hoa khoảng năm 1638)

. Navarette (sang Trung Hoa khoảng năm 1649)

. Maigrot (1852-1730, sang Trung Hoa năm 1681)

. Tournon, sứ thần của giáo hoàng Clément XI, sang Bắc Kinh năm 1705.

. Mezzabarba (Carlo) sang tới Macao tháng 9, 1720. [\[37\]](#)

- Qua ngôn ngữ, thư tịch của các giáo sĩ Âu Châu. [\[38\]](#)

- Qua thông điệp và thái độ của nhiều giáo hoàng liên tiếp nhau, [\[39\]](#) ta thấy rằng các ngài cho rằng:

. Khổng giáo là vô thần vì không tin có Thiên Chúa.

. Không thể nào có một sự tương dung, tương hợp nào được giữa Khổng giáo và Công giáo.

. Khổng Tử cũng như các vị vua chúa Trung Hoa từ thượng cổ cho đến thời ấy, đều sa hỏa ngục hết.

[\[40\]](#)

Dưới đây xin lược qua về thái độ của ít nhiều Giáo Hoàng:

- Innocent X (1644-1655) ra sắc chỉ phi bác lẽ lối giảng đạo và quan điểm của dòng Tên. [\[41\]](#)

- Alexandre VII (1655-1667) bênh vực quan điểm của dòng Tên, cho phép tôn kính Khổng Tử và tổ tiên. [\[42\]](#)

- Clément IX (1667-1669) ra lệnh phải thực thi cả hai sắc chỉ nói trên, tuy chúng mâu thuẫn nhau. [\[43\]](#)

- Innocent XII (1691-1700) phi bác quan điểm của dòng Tên (năm 1695), sai sứ thần là Maigrot sang Trung Hoa. [\[44\]](#)

Clément XI (1700-1721) ra sắc chỉ Ex Illa die ngày 19-3-1715, bắt buộc phải dùng danh từ duy nhất Thiên chúa, bỏ chữ Thiên, chữ Thượng đế, cấm người Công giáo tham dự các cuộc lễ kính Khổng Tử, cấm tôn kính tổ tiên theo kiểu Trung Hoa. [\[45\]](#) Ngài sai Tournon, Mezzabarba sang Trung Hoa. [\[46\]](#)

- Innocent XIII (1721-1724) lại ra sắc chỉ tái cấm các nghi lễ Trung Hoa (1723). [\[47\]](#)

- Clément XII (1730-40) cấm không cho dòng Tên được phép giảng đạo tại Trung Hoa. [\[48\]](#)

- Benoit XIV (1740-1758) ra sắc chỉ Ex qui singulari năm 1742 xác nhận lại các lời cấm đoán của các Giáo hoàng tiền nhiệm. [\[49\]](#)

- Clément XIV (1769-74) ra sắc chỉ Dominus ac Dominator mùa hạ năm 1773 phá hủy vĩnh viễn dòng Tên. [\[50\]](#)

Tuy nhiên ở đời chẳng có gì là vĩnh viễn:

- Giáo hoàng Pie VII (1800-20) lại cho phép tái lập dòng Tên năm 1814. [\[51\]](#)

- Giáo hoàng Pie IX (1846-1878) với sắc chỉ 10 tháng 8, 1863, đã tuyên bố những người ngoại giáo ngay lành vẫn có thể lên thiên đường. [\[52\]](#)

Thánh bộ Truyền giáo, dưới triều Pie XII, với sắc lệnh ngày 8 tháng 12, 1939, lại cho phép dự các

cuộc tế tự Khổng Tử, và được quyền tỏ lòng tôn kính tổ tiên đã quá vắng như cúi đầu trước di ảnh, trước bài vị v.v... [\[53\]](#)

Đó là những điều mà giáo hội đã tuyệt đối cấm 200 năm về trước, và cho thế là tà đạo.

IV. QUAN ĐIỂM CỦA VUA KHANG HI

Vua Khang Hi mà nhiều giáo sĩ buộc cho tội vô thần vô đạo, thật là con người hữu thần, hữu đạo.

Năm 1705, sau khi đã cho các giáo sĩ dâng một số tiền lớn là 10.000 lang bạc để xây cất 1 giáo đường ở Bắc Kinh, chính nhà vua lại còn đích thân cho một bức hoành phi và một đôi câu đối để viết trước cửa giáo đường như sau:

HOÀNH PHI: VẠN HỮU CHÂN NGUYÊN

(căn nguyên chân thật của vạn loài)

CÂU ĐỐI:

- VÔ THỦY VÔ CHUNG, TIÊN TÁC HÌNH THANH, CHÂN CHỦ TẾ.
- TUYÊN NHÂN TUYÊN NGHĨA, DUẬT CHIÊU CHƯNG TẾ, ĐẠI QUYỀN HÀNH.

(Vô thủy vô chung, tạo dựng muôn loài, chân chủ tế,

Chí nhân chí chính, quản cai vạn sự, đại quyền hành.) [\[54\]](#)

Trong khi các giáo sĩ chia rẽ nhau, người cho rằng đạo Khổng vô thần, người cho rằng đạo Khổng hữu thần, tất cả đều ước mong được vua Khang Hi cho biết ý kiến. Họ đồng ý rằng: Nếu vua cho rằng đạo Khổng là hữu thần, nếu vua cho rằng Thiên chính là Thiên chúa, thì họ sẽ chịu không còn dám kết án Khổng giáo là vô thần nữa. [\[55\]](#)

Mà quả thật nhà vua đã ra nhiều sắc chỉ, sau trước đều đồng quan điểm với các giáo sĩ dòng Tên.

Ngày 30-11-1700, vua Khang Hi giáng chiếu như sau: «Đối với các việc tế lễ mà các vua chúa thời xưa quen dâng kính Trời, đó là những việc tế lễ mà các triết gia Trung Hoa gọi là ... tế lễ Trời Đất, mục đích là để tôn kính Thượng Đế... cho nên dĩ nhiên không phải là dâng tế lễ cho trời hữu hình, hữu chất, mà là dâng cho đấng chủ thể đã tạo thành trời đất, muôn vật.» [\[56\]](#)

Ngày 17 tháng 1 năm 1717, tức là sau sắc chỉ Ex illa die của đức Giáo Hoàng Clément XI, vua Khang Hi ra sắc chỉ cho phép các giáo sĩ được tiếp tục giảng giáo với điều kiện phải chấp thuận rằng:

(1) Trời của người Trung Hoa cũng chính là Chúa của người Công giáo, cho nên gọi Ngài bằng một danh hiệu (Trời) thì rất là hợp lý.

(2) Các lễ kỷ niệm Khổng Tử.

(3) Sự tôn kính tổ tiên không có gì là trái với Công giáo. [\[57\]](#)

Những vì ba điều khoản trên đã bị giáo hoàng Innocent XIII phi bác năm 1695 và Clément XI năm 1704, nên sứ thần tòa thánh lúc ấy là Tournon nhất định không nhượng bộ. [\[58\]](#)

Vua Khang Hi có lần hỏi sứ thần tòa thánh là Mezabarba rằng Giáo Hoàng lấy quyền gì mà đoán định về đạo giáo Trung Hoa, thì sứ thần tòa thánh trả lời: «Ngài đã được chúa Thánh Thần soi sáng nên không thể sai lầm trong những vấn đề có liên hệ đến tín lý. Vua Khang Hi phản pháo và trả lời rằng vua đã đọc và đã so sánh sắc chỉ Ex Illa Die của Giáo Hoàng với bản phúc trình và thông điệp của Giám mục Maigrot,

(đã viết ra trước) và ngài thấy giống in nhau; như vậy «nếu Giáo Hoàng được chúa Thánh Thần giúp trong các quyết định, thì chúa Thánh Thần Công giáo âu hẳn là Giám mục Maigrot.» [59]

Vua rất ghét Giám mục Maigrot. Vua muốn chứng minh rằng các giáo sĩ chẳng biết gì về Hán tự mà cả gan dám xía vào công việc giải thích ngôn từ Trung Hoa, nên trong buổi triều kiến ngày 2-08-1706, vua Khang Hi đưa bốn chữ Hán bắt giám mục Maigrot đọc. Ông chỉ đọc được có 2 chữ. [60]

Sau khi đã đọc sắc chỉ Ex Illa die của Giáo hoàng Clément XI. Vua Khang Hi rất giận và đã nói thẳng với sứ thần tòa thánh là Mezzabarba rằng đức Giáo Hoàng đã dựa vào những phúc trình sai lạc của những giáo sĩ không am tường Hán văn và đạo giáo Trung Hoa, nên đã có những quyết định sai lạc. Trong các món quà mà vua Khang Hi nhờ sứ thần Mezzabarba gửi tặng đức Giáo hoàng, thấy có một tảng muối mỏ, ý muốn nói Giáo Hoàng ăn muối mỏ sẽ sáng trí khôn ra hơn ... [61]

Những sự va chạm giữa Giáo Hoàng và vua dĩ nhiên là có những hậu quả không hay.

Năm 1723, giáo hoàng Innocent XIII ra sắc lệnh tái cấm lễ nghi Trung Hoa, thì năm 1724 vua Ung Chính ra sắc chỉ cấm đạo Công giáo, và trong đời vua đã có hơn 300 nhà thờ bị phá hủy và mấy trăm ngàn người Công giáo bị bắt bớ... [62]

Tuy giáo hội đã thất bại trong công cuộc giảng đạo ở Trung Hoa, nhưng các giáo sĩ ít ra cũng đã thành công trong việc gây ấn tượng sâu xa vào trí não mọi người rằng Khổng giáo cũng như đạo Phật, đạo Lão đều là vô thần.

Vì thế chúng ta cũng không lấy làm lạ, khi thấy sau này những học giả như L.M. Henri Doré chuyên khảo về đạo giáo và văn hóa Trung Hoa đã đặt cho bộ sách của ông một nhan đề là: Recherches sur les Superstitions en Chine. Và chúng ta cũng không lấy làm lạ khi các giáo sĩ như Zottoli, Couvreur, Wieger sau này toàn dịch Thiên là Ciel, Thượng đế là Le Roi d'en Haut chứ không dám dịch là Dieu.

James Legge trong bài tựa quyển kinh Dịch của Ông, đã kể lại rằng vì ông dám dịch Trời là God, nên đã bị nhiều giáo sĩ giảng đạo bên Trung Hoa gửi thư về phản kháng và cho rằng dịch như vậy là sai. [63]

Phân tách lại những lời vua Khang Hi phiến trách các đức Giáo Hoàng thời ấy, ta thấy hiện rõ ra mấy điểm sau:

Các ngài đã không tin những giáo sĩ dòng Tên là những người thông hiểu tâm lý Á Châu, lại cũng là những người rất tinh tường về Hán tự, mà lại đi tin những giáo sĩ chân ướt chân ráo ở Trung Hoa, không biết gì về đạo giáo, về phong tục tập quán, về từ ngữ Trung Hoa, để rồi đưa ra những nhận định hết sức sai lầm, những quyết định hết sức tai hại. [64]

Gần đây ông Malcolm Hay cũng có những nhận xét đại loại như vậy. Ông viết: «Ferdinand Verbiest (dòng Tên) là một nhà thiên văn, một nhà toán học, một kỹ sư cơ khí, đã ở Trung Hoa 40 năm và đã gây được nhiều cảm tình với những học giả Trung Hoa. Verbiest đã gặp phải cái nạn là làm bề trên dòng Tên tại Trung Hoa thời mà Maigrot và Pallu sang tới Trung Hoa tức là vào năm 1684. Maigrot và Pallu đã dạy Verbiest cách phải làm để giảng đạo và thu phục người Trung Hoa. Ít người trong giới Công giáo ngày nay đã biết chuyện L.M. J.H.M. de Prémare (1665-1735), một học giả lỗi lạc về Trung Hoa. Ông đã dày công khảo cứu các thư tịch Trung Hoa trong vòng 30 năm trời, ấy thế mà đã bị hàng giáo phẩm La Mã vừa mới tới Trung Hoa, không hề biết chữ Hán nào, bắt ông phải thay đổi những ý nghĩa mà ông đã tìm ra. Ông chỉ được phép ở lại chức cũng với các đồng nghiệp ông, với điều kiện là tuyên thệ thay đổi quan điểm của ông.» [65]

V. QUAN NIỆM THƯỢNG ĐẾ QUA TỨ THƯ NGŨ KINH

Lập luận của các giáo sĩ Âu Châu, khi cho rằng Khổng giáo là vô thần, đại khái có thể toát lược như sau:

Công giáo tin có một đấng Chủ tể Càn khôn và thờ phượng đấng chí tôn ấy, cho nên đạo Công giáo là đạo hữu thần.

Khổng giáo không biết đấng Chủ tể Càn khôn ấy, lại thờ trời, mà theo họ thì trời chỉ là trời mây, vô tri vô giác, vì thế Khổng giáo là vô thần, tà đạo.

Linh mục Ruggieri viết: «Trời không phải là thần minh mà là tòa của thần minh... Có thể ông Khổng đã dùng chữ trời mà chỉ một trí tuệ tối cao, nhưng tôi không biết ông Khổng đã nghĩ thế nào?» [\[66\]](#)

Thật là một luận điệu hết sức ngây ngô !

Ở Á Đông thì chắc không ai dám nghĩ rằng Trời là trời mây khi nói Trời xem, Trời nghe, Trời giận, Trời phạt, Trời muốn, v.v.

Ở Bắc Kinh xưa có đền thờ Trời trong đó có bốn chữ đại tự thiếp vàng: Hoàng Thiên Thượng Đế. [\[67\]](#)

Chẳng lẽ Hoàng Thiên Thượng Đế cũng là trời mây vô tri giác? Khảo Tứ Thư Ngũ Kinh ta thấy người xưa đã coi Trời như là một vị Chủ tể Càn khôn, một vị Thượng đế cai quản quần sinh vũ trụ.

Điều này quá rõ ràng sáng tỏ, mà bất kỳ một người nào có thiện tâm thiện chí cũng phải công nhận như vậy.

Ta chỉ cần lấy ít nhiều câu trong Tứ Thư Ngũ Kinh minh chứng điều ấy.

Khảo Tứ Thư Ngũ Kinh, ta thấy người xưa chẳng những tin Trời, kính Trời như vị Chúa tể Càn khôn mà còn ước mong có một đời sống thánh thiện như Trời.

Trong Mạnh Tử, có thuật lời đức Khổng bình về vua Nghiêu như sau: «Vua Nghiêu đức nghiệp lớn thay. Chỉ có Trời là lớn, chỉ có vua Nghiêu bắt chước Trời.» [\[68\]](#)

Khi vua Thuấn lên ngôi (2255) đã tế lễ Thượng đế. [\[69\]](#)

Vua Đại Võ, khi còn là hiền thần đã biết khuyên vua Thuấn sống đời đức hạnh «để có thể huy hoàng rực rỡ lấy Thượng đế.» [\[70\]](#)

Lúc trị thủy thành công trở về, Đại Võ dâng vua Thuấn một tấm ngọc huyền khuê, để báo cáo công việc hoàn thành. [\[71\]](#) Phó Diễn bình rằng: Võ dâng Thuấn ngọc huyền khuê là muốn nói cùng vua Thuấn: «Đức hạnh nhà vua đồng nhất với đức hạnh của Trời.» [\[72\]](#)

Các vua sáng lập nhà Ân (1766-1122) cũng đã biết sống cuộc đời phối kết với Thượng đế.

Kinh Thi viết:

«Thủ nhà Ân còn thời thịnh trị,

Đã từng cùng Thượng đế tất giao.» [\[73\]](#)

Vũ Vương (1122 tcn) đã điều động binh tướng đánh Trụ Vương với danh nghĩa «Thay Trời trừ bạo». Trong bài diễn văn quan trọng để hô hào tướng sĩ ở Mạnh Tân, sau khi đã kể tội ác của Trụ Vương thì Vũ Vương nói: «Hoàng thiên đã chán nộ, sai cố quân tôi là Văn Vương kính cẩn ra oai Trời, nhưng đại sự

chưa thành tựu. Tôi nay còn là trẻ nít, ngày đêm những cùng lo sợ. Tôi đã nhận lãnh sứ mạng do cố quân tôi, tôi đã tế lễ Thượng đế, tôi đã làm lễ nghi kính đất đai, và tôi nay hướng dẫn chúng tướng sĩ thi hành hình phạt của Trời. Trời thương dân chúng. Cái gì dân muốn, Trời cũng sẽ nghe theo. Xin các tướng sĩ hãy giúp tôi quét sạch bốn biển. Thời cơ này xin chớ để mất.» [\[74\]](#)

Lúc lâm trận Mục Dã, trước một đạo binh vô cùng đông đảo của Trụ Vương, để khuyến khích ba quân, Võ Vương đã kêu lên: «Thượng đế ở với ba quân, ba quân hãy vững lòng vững dạ.»

Kinh Thi viết:

Quân Thương Ân bạt ngàn Mục Dã,
 Một rừng người chặt cả sa tràng.
 Cho ba quân thêm dạ sắt gan vàng,
 Võ Vương kêu: Thượng đế ở cùng ta đó,
 Ba quân hãy vững lòng vững dạ. [\[75\]](#)

Thượng đế trong Tứ Thư Ngũ Kinh có nhiều danh hiệu:

Đế, [\[76\]](#) Thượng Đế, [\[77\]](#) Thiên, [\[78\]](#) Hoàng Thiên, [\[79\]](#) Thượng Thiên, [\[80\]](#) Hoàng Thượng Đế, [\[81\]](#) Thiên Hoàng Thượng Đế, [\[82\]](#) Thượng Thiên Thần Hậu, [\[83\]](#) Hoàng Hoàng Hậu Đế [\[84\]](#)... Ấy là chưa kể đến những danh từ trừu tượng siêu hình như Dịch, [\[85\]](#) Thần, [\[86\]](#) Thái Cực, [\[87\]](#) v.v.

Trong Cựu Ước Công giáo, nhiều khi ta thấy Chúa mượn hình người xuống gặp gỡ các tổ phụ, ví dụ đã gặp Abraham ở gốc cây sồi Mambré (Sáng thế ký, 18-1, 23) hay Jacob (Sáng thế ký, 32-22,25) hay Moise (Exode, 32-10,11), v.v.

Trong Tứ Thư Ngũ Kinh trái lại tuyệt nhiên không có sự hiển hình theo nhân dạng đó, vì Khổng giáo chủ trương Trời không tiếng không hơi (vô thanh vô xứ) [\[88\]](#). Tuy nhiên, Thi, Thư cũng một đôi lần ghi chép những lời Thượng đế phán bảo cùng các vị thánh vương.

Kinh Thư, thiên Duyệt mệnh thượng ghi chép: Vua Cao Tông (Vũ Đinh, 1325 tcn) nằm mộng thấy Thượng đế ban cho một hiền thần. Vua tỉnh dậy, cho họa đồ hình, tìm tòi khắp trong nước. Quả nhiên gặp được Phó Duyệt ở đất Phó Nham đúng như trong hình vẽ. Vua bèn phong Phó Duyệt làm tể tướng và giữ luông bên cạnh mình. [\[89\]](#)

Kinh Thi, thiên Hoàng hĩ, có ghi những lời Thượng đế phán bảo cùng Văn Vương. [\[90\]](#) Kinh Thi viết:

Thượng đế gọi vua Văn phán bảo,
 Người chớ nên trở tráo đảo điên.
 Đừng cho dục vọng tàn phiền,
 Đừng vì ngoại cảnh rối ren tơ lòng. [\[91\]](#)

Trời đôi khi cũng phẫn nộ [\[92\]](#) vì những lỗi lầm, [\[93\]](#) thất bại, [\[94\]](#) hay tội lệ [\[95\]](#) của các nhà cầm quyền; có khi cũng ra uy [\[96\]](#) giáng tai ách, [\[97\]](#) nhưng thật ra ngài thương muôn dân vô hạn, [\[98\]](#) đến nỗi muốn đồng hóa mình với chúng dân. [\[99\]](#)

Kinh Xuân Thu cũng viết: «Trời rất thương dân. Có lẽ nào Trời để cho một người trị dân theo ý mình, theo tính xấu mình mà phế bỏ tính trời đất, ắt không thể nào được.» [\[100\]](#)

Kinh Thi viết:

«Kìa Thượng đế muôn trùng cao cả,
Oai nghi nhìn thiên hạ chúng dân.
Nhìn quanh tứ phía hồng trần,
Tìm xem ai kẻ trị dân an bình.» [\[101\]](#)

Bởi vì:

«Sinh dân Trời chẳng bỏ liều,
Liệu người cai quản đến điều mới thôi.» [\[102\]](#)

Khảo cứu Tứ Thư Ngũ Kinh ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy dân Trung Hoa xưa đã thờ Trời, tin Trời, kính sợ Trời. Hơn thế nữa, họ còn coi Trời như cha, vì thế mà vua nhiều khi được mệnh danh là nguyên tử (con đầu của Thượng đế). Trịnh Khang Thành bình rằng: «Phàm là người ta, ai cũng là con Trời, thiên tử là con đầu, là trưởng tử.» [\[103\]](#)

Chính Trời cai trị chúng dân.

Kinh Thi viết:

«Trời xanh dẫn dắt chúng dân,
Như là tấu khúc nhạc huân, nhạc trì,
Trời người đôi ngọc chương khuê,
Bên cho bên lấy đề huề xiết bao.
Tay cầm tay giắt khéo sao,
Trời xanh dẫn dắt dần nào khó chi.» [\[104\]](#)

Như vậy các vua quan chỉ là những người đại diện, những thiên sứ, những tôi tá của Trời. [\[105\]](#) Một tổ chức xã hội như vậy là thiên trị (théocratie) tức là được cai trị bởi Trời qua trung gian vua chúa.

Các trang thánh hiền, các thánh quân, hiền thần đều ước ao sống cuộc đời thánh thiện, phối kết với Thượng đế.

Những chữ «phối thiên», «khắc phối Thượng đế» được đề cập nhiều lần trong Tứ Thư Ngũ Kinh. [\[106\]](#)

Thực là lạ lùng khi nhận thấy người xưa đã có một niềm tin ngưỡng sâu xa về Thượng đế như vậy, một lý tưởng đạo hạnh tuyệt vời như vậy. Ngày nay khảo sát lại, chúng ta chỉ có thể cúi đầu bái phục mà thôi.

Như vậy, Khổng giáo xét theo Tứ Thư Ngũ Kinh không có cách nào mà có thể cho là vô thần được.

Cho như vậy, chỉ có thể: Một là không bao giờ đọc tới Tứ Thư Ngũ Kinh; hai là đọc mà không hiểu; ba là đọc hiểu nhưng không có thiện tâm thiện chí, cố ý làm khuất lấp những dữ kiện lịch sử hiển nhiên, những chứng tích đạo giáo minh bạch. Nhưng không ai có thể mãi mãi làm khuất lấp chân lý được.

VI. QUAN NIỆM VỀ THÁI CỰC CỦA TỔNG NHO

Các giáo sĩ khi sang Trung Hoa giảng đạo thường cũng hay có lý luận như sau:

Đã đành, Tứ Thư Ngũ Kinh chấp nhận một đấng chủ thể tạo dựng vạn vật, đã đành Khổng giáo nguyên thủy không vô thần, nhưng sau này nhất là từ thời nhà Tống, do ảnh hưởng của Tống nho, Tống Triết, đã trở thành vô thần, nhất là với ảnh hưởng của Chu Hi, một học giả vô thần.

Bằng chứng là họ dám cho rằng vũ trụ này do Thái Cực xuất sinh, chứ không phải do Thượng đế tạo dựng v.v...

Như vậy nói rằng Khổng giáo vô thần không có oan. [\[107\]](#)

Trước hết tôi thấy rằng nói Chu Hi là vô thần và duy vật thì thật oan cho ông.

Tôi chỉ cần dẫn chứng một vài bằng cứ:

- Trong bài tựa Trung Dung, Chu Hi viết: «Đạo chi bản nguyên xuất ư Thiên nhi bất khả dịch.» mà tôi đã dịch:

«Nguồn đạo ấy phát từ Thượng đế,

Chẳng đổi thay, chẳng thể biến rời...» [\[108\]](#)

- Ông công nhận rằng Trung Dung là một đạo thống tương truyền của thần thánh thay Trời lập cực từ thượng cổ. [\[109\]](#)

- Ông cho rằng «Thánh nhân là hiện thân của Trời.» [\[110\]](#)

- Ông đã giải chữ Đế trong Thuyết quái của Kinh Dịch như sau: «Đế là vị chủ thể ở trên trời.» [\[111\]](#)

Ấy Chu Hi vô thần như vậy đó !

Thứ đến, khi các triết gia cho rằng Thái Cực là căn nguyên của vũ trụ như vậy có phải là một chủ trương vô thần không?

Du Halde rất sợ danh từ Thái Cực, tuy như ta đã thấy. Ông rất có cảm tình với Khổng giáo nguyên thủy. Du Halde cho rằng quan niệm Thái Cực và Lý dễ đưa đến vô thần. [\[112\]](#)

Ông cũng cho rằng danh từ Thái Cực là một danh từ rất mới, dùng để chỉ căn nguyên vạn hữu, nhưng mãi đến đời Khổng Tử mới có, và chỉ thấy dùng có một lần trong Kinh Dịch nơi Hệ Từ. [\[113\]](#)

Du Halde cho rằng các triết gia thế kỷ 17 bên Trung Hoa đã định nghĩa Thái Cực như là Cực điểm, như là Nóc, vì Thái Cực liên kết các phần tử của vũ trụ này y như cái mái nhà liên kết và duy trì mỗi bộ phận của cái mái nhà.

Họ cũng sánh Thái Cực với cái rễ nơi cây, với cái trục nơi bánh xe, và gọi đó là trục, là khu nữu cho vạn loài xoay quanh, là căn cơ, là cột trụ, là gốc gác vạn sự. Thái Cực không phải là cái gì hư ảo, nhưng chính là một thực thể có trước trời đất. [\[114\]](#)

Nhưng Leibniz, một nhà toán học và một học giả thời danh ở Âu Châu thế kỷ 17 và 18 (1646-1716), lại cho rằng quan niệm của Á Châu về Lý, về Thái Cực chẳng có gì là vô thần, mà đó chỉ là một trong những phương thức dùng để chỉ Thượng đế. [\[115\]](#)

Wieger sau này cũng cho rằng Thái Cực là Khu nữu, là Nguyên động lực chi phối vạn hữu. [\[116\]](#)

Ông cũng nhận định rằng Thái Cực chính là Đạo, là Hoàng cực là Nguyên thể. Ông cũng cho rằng tất cả những danh từ ấy đều là cưỡng ép, vì Nguyên thể bất khả tư nghị, v.v. [\[117\]](#)

Trong quyển THÁI CỰC LUẬN của tôi, tôi thấy Nho gia nói về Thái Cực cũng như các triết gia Âu

Châu nói về Logos, các triết gia Ấn Độ nói về Atman, v.v. [\[118\]](#)

Và tôi đã kết luận như sau:

«Đối với các thánh hiền Trung quốc, Thái Cực sinh xuất vạn hữu. Thái Cực vừa bao quát vạn hữu, vừa lồng trong vạn hữu. Thái Cực là bản thể của vũ trụ, bất biến, bất thiên, bất sinh, bất hoại, nhưng lại vẫn chủ trì mọi biến thiên của vũ trụ và của con người.»

«Đứng về phương diện khởi nguyên của vũ trụ, Dịch kinh chủ trương Thái Cực sinh vạn hữu, Đó nhà Nhất nguyên chủ nghĩa, Thái Cực tuy là nhất, là Nguyên, nhưng lại biến hóa vô cùng tận. Và Thái Cực cũng là Vô cực, là Thần, là Thượng đế, siêu xuất trên cơ cấu âm dương, cho nên quan niệm Thái Cực có thể gọi là hoàn bị hơn quan niệm Apeiron của Anaximandre, quan niệm duy linh của Platon, quan niệm ngũ hành của Aristote.»

«Quan niệm Thái Cực tương tự như quan niệm Atman của Bà La Môn, quan niệm Logos của Âu Châu, quan niệm đấng Christ vũ trụ của Teilhard de Chardin.»

- «Vì chủ trương Thái Cực chẳng những là bản thể của vũ trụ, mà còn là Vô cực, là Trời, nên quan niệm Thái Cực không phải là một quan niệm triết lý thông thường mà còn là một đề tài đạo giáo hết sức quan trọng.»

- «Đối với các triết gia Trung Quốc, Thái Cực tiềm ẩn ngay trong lòng vạn hữu, trong lòng con người. Nhưng chỉ có con người mới nhận ra được chân lý ấy, mới cảm thông được với Thái Cực, mới trở về được với căn nguyên.»

- «Như vậy quan niệm Thái Cực mở lối cho một phương pháp tu thân, một phương pháp trở về với Thượng đế, với căn nguyên gốc gác của mình. Đó là con đường hướng nội, con đường nội tâm, mà xưa nay các thánh hiền khắp thế giới đã nhất luật băng qua...» [\[119\]](#)

Leibniz cũng cho rằng, ngay trong thời triết học kinh viện, cũng đã có một triết gia tên là David de Dinant chủ trương rằng Thượng đế là Nguyên thể của vạn hữu, Spinoza cũng có chủ trương tương tự. [\[120\]](#)

Ta thấy ngày nay Âu Châu cũng có những quan niệm về Thượng đế hết sức uyển chuyển, bởi vì nào có ai ở trần gian này nói được rằng chỉ có mình mới hiểu rõ về Thượng đế?

Teilard cho rằng đấng Christ chính là Thủy Chung, là Căn Cơ là Chốt Nóc, là Thực Thể và là Dung tích, v.v... [\[121\]](#)

Chu Liêm Khê xưa cũng đã gọi Thái Cực là Nhất, là Tuyệt đối. [\[122\]](#)

Chu Hi đã gọi Thái Cực là Đạo. [\[123\]](#)

Ngày nay các nhà bình dịch Thánh kinh Trung Hoa, đã dịch Logos bằng chữ Đạo, Phúc Âm Gia An như vậy đã được bắt đầu như sau: Thái cơ hữu Đạo, Đạo dữ Thần đồng tại. [\[124\]](#)

Cho nên nói rằng chủ trương Thái Cực là nguồn gốc muôn loài là vô thần, thì cũng y như nói chủ trương Logos là nguồn gốc muôn loài, là Đầu và là Cuối vạn sự là vô thần vậy. [\[125\]](#)

VII. TỔNG LUẬN

Thiên khảo luận này đã được trình bày một cách hết sức vô tư. Có lẽ đó cũng là một cái khuyết điểm của nó.

Ta có thể kết luận: Không có cách nào mà nói được rằng Khổng giáo là vô thần.

Trong thiên khảo luận trên chúng ta đã thấy rõ rằng người Á Đông không ai mà không chấp nhận rằng Trời hay Thiên chính là chủ thể vạn hữu, là Hóa công v.v...

Và tôi xin mạn phép kể hầu quý vị một câu chuyện:

Trong khi tôi đang chuẩn bị soạn thảo bài này thì hôm mùng 4 tết Quý Sửu tôi nhận được một thiệp mời rất đẹp để lịch sự của Cha G.Lajeune, và xứ đạo Học Lạc Chợ Lớn, nội dung như sau:

Kính mời
Ông Bà...
Vui lòng đến dự buổi lễ «Tế Thiên, Tự Tổ» cử hành
tại nhà thờ Phanxicô, 25 đường Học Lạc, Chợ Lớn, lúc 9
giờ sáng, ngày 04 tháng 02 năm 1973, tức ngày mùng
hai tháng giêng năm Quý Sửu.
Linh mục chính xứ
G. Lajeune

Tôi rất vui mừng vì nhận chân rằng những chuyện cãi vã nhau xưa về chữ Thiên, và vấn đề kính nhớ tổ tiên thực đã là một câu chuyện huyền, mà Thiên chính thực là Thượng đế, và đạo Khổng chính thực là hữu thần vậy.

Sau đây tôi xin mượn lời của G.Pauthier, Trong Les Livres de sacrés de l'Orient mà kết luận bài này như sau:

«Trong lịch sử, cũng như trong thi văn, trong biểu dương đạo giáo, cũng như trong suy khảo triết học, Á Đông đã đi trước Âu Châu. [\[126\]](#) Chúng ta cần tìm biết Á Châu để hiểu chúng ta rõ hơn... Càng biết về Á Châu rõ ràng hơn, ta càng thấy hiện ra một thế giới mới, một nền văn minh huy hoàng mà cổ thời chúng ta không ngờ tới được. Chúng ta sẽ ngạc nhiên khi thấy rõ chân tướng của tiền nhân chúng ta, đối chiếu với những dân tộc cổ Á Đông, và càng ngày chúng ta càng thấy đúng, một cách thấm thía, lời một giáo sĩ Ai cập nói với Solon (mà Platon đã ghi trong Timée): «Hỡi người thành Athènes, các người chỉ là những trẻ nít ! Các người không hiểu biết được cái gì có trước các người; tưởng mình hay, tưởng nước mình giỏi, các người chẳng biết những gì về trước; các người đã tưởng rằng thế giới này bắt đầu có với các người, với thành thị các người...»

«Chúng tôi không ngại quả quyết rằng sự học về các nền văn minh Á Châu là một điều tối cần thiết cho những ai muốn khảo cứu về khởi nguyên, về liên lạc dòng dõi giữa các dân tộc, ngôn ngữ, mỹ thuật, đạo giáo, luân lý, triết học, tóm lại toàn thể lịch sử nhân loại.»

«Chúng tôi cũng không ngại mà quả quyết thêm rằng, một phần lớn những sách vở đã được in từ khi phát minh ra nghề in (và hẳn là nhiều), khảo về các vấn đề có liên quan đến các bộ môn nói trên, cần phải được viết lại, bởi vì đã phát bởi từ những hệ thống không mấy đúng đắn, bởi vì chúng đã không đếm xỉa đến những nền văn minh quan trọng đó; những nền văn minh đã có, và hiện còn có nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển cộng đồng của nhân loại. Thực ý thức những người muốn lập ra những hệ thống thiên văn mà đã bỏ qua hay đã không thèm đếm xỉa những vì sao sáng nhất trong hệ thống vũ trụ!» [\[127\]](#)



CHÚ THÍCH

- [1] Đã đăng tạp chí Phương Đông, các số 23 (tháng 5-1973), 24 (tháng 6-1973) 25 (tháng 7-1973). Ba số này có chung chủ đề: Bộ mặt Tôn giáo ngày nay bên phương Đông.
- [2] Xem Virgile Pinot, La Chine et la formation de l'esprit philosophique en Chine, Librairie Paul Geuthner, 13 Rue Jacob Paris, 1922, p.8.
- [3] Ibid.
- [4] Xem La Chine et la formation de l'esprit philosophique en France, tr.18.
- [5] Ib. tr.17. -- Amaury de Riencourt, L'Âme de la Chine, tr. 219-220.
- [6] Marianne Monestier, Les Jésuites en l'Extrême Orient, tr.89.
- [7] La Chine et la formation de l'esprit philosophique en France, p.19.
- [8] Amaury de Riencourt, L'Âme de la Chine, p.226-227. -- La Chine et la formation de l'Esprit philosophique en France, p.75-77.
- [9] Khoảng năm 1700, trong một phiên hội thảo về đạo giáo Trung Hoa, Tiến sĩ Coulaou chủ trương rằng những dân tộc xưa như dân Gaulois, Ai-Cập, Mỹ, Ba Tư đều theo đạo độc thần... Tổng giám mục Bossuet cho rằng chủ trương đó rất nguy hại vì đã cho rằng đạo nào cũng như nhau. Ngài thúc giục Hồng y De Noailles phi bác quan điểm trên, nhưng Hồng Y Nouailles chỉ truyền cho cảnh sát tịch thu các tác phẩm của Coulaou mà thôi. Tuy nhiên Giám mục Bossuet lại được một vị tiến sĩ Sorbonne khác là ông Ellies du Pin dùng những chứng cứ trong quyển Histoire universelle (của Bossuet) để biện minh rằng: Trước chúa Jésus không dân ngoại nào được biết Thiên Chúa ngoài dân Do Thái và như vậy mọi dân tộc đều thờ tà thần, theo tà đạo... (Xem La Chine et la formation de l'esprit philosophique en France, p.104-106)
- [10] They (the missionaries) despite the «yellow races» of the Orient they tried to convert these inferior beings and at the same time told each other, in print, and even told them to their face, that they were so brutish, so contemptible, that they were hardly worth converting. «Chinese civilisation» wrote a distinguished missionary priest in the middle of the 19th century, «is a monstrosity, not only anti-christian, but anti-human... The religions of the Chinese are monstrous, absurd, the most ridiculous in the world. «One does not find humanity, he concluded, among the peoples of the Orient, but only «monkeydom».
- Malcolm Hay, Failure in the Far East, p.167.
- Pierre Charles, S.J., Tactique missionnaire ou théologie de l'apostolat? In Nouvelle Revue théologique, Avril Mai, 1940, p.388. (Pierre Chartes đã trích dẫn câu này, chứ không phải đã nói câu này).
- [11] «The Chinese, being by nature inferior to the European, will always be inferior as a Christian.» Failure in the Far East, p.168.
- Méthode de l'apostolat moderne en Chine, Hongkong 1911, p.800.
- [12] All the missionaries will love the Chinese for the love of God and for the sake of their souls, we will devote ourselves to them, on supernatural principles, but friendship ! that is impossible.
- Failure in the Far East, p.168.
- Méthode de l'apostolat moderne en Chine, Hongkong, 1911, p.800.
- [13] In his twenty-first question, Navarette asked if Gentiles, i.e. non Christian Chinese who lived a

respectable life (non nimis laxe, sed aliquantulum modeste viventes).

«Some missionaries», he said meaning the Jesuits, «has denied this proposition.» The Holy Office replied: «Those who teach that these Gentiles are not punished with eternal suffering, contradict the Holy Scriptures.» Answering the 22th question, the Holy Office affirmed that Infidels dying without baptism or without having had a real desire for baptism, were damned.

Malcolm Hay, Failure in the Far East, pp.128-129.

[14] In 1665, the Regents accused the Spanish Dominicans and Franciscans of teaching that all the long line of Chinese Emperors were burning in hell. (Ib.p.104).

This was obviously not a propitious moment for Propaganda to try and set up in China an episcopal administration directed by men who told the Chinese that all their ancestors were in hell. (Ib.p.104).

[15] The priest of the Foreign ! Missionary Society announced that: «Confucius was damned to eternal flames.» (Ib. p.128)

... The Holy Office replied: «Allowing for what has been said, it is forbidden to say that Confucius is saved.» (Ib. p.104)

Navarette, however, reinforced in his opinions by these decisions, declared five years later, that since «Socrates, Plato Aristotle, Pliny, Seneca, etc. were irretrievably damned, how much more Confucius who was not worthy to kiss their feet.» (Ib. p. 129)

Moralès (1597-1665) has accused the Jesuits of permitting the Chinese «to ask favours of a man who was damned.», and Ildefonse de St. Thomas, about 1670, complained that they allowed worship to be paid «to idols, demons, and persons who are damned.» (Ib. p.128)

[16] Encouraged, perhaps by the prospect of martyrdom, he (Maigrot) accused the Emperor (Khang Hi) of idolatry and atheism.

Malcolm Hay, Failure in the Far East, p.144.

... To all appeals and explanations, he replied with the one word submit! The Pope, he said, had decided that the Emperor and all the Lettered men of China were idolaters, and that their rites and ceremonies were superstitious and damnable: and since his decision was irrevocable, it could not even be discussed. Ib. 127-128.

[17] In a long commentary on this memorial (of Kilian Stumpf, The Procurator of the Jesuit Mission at Peking, dated 14th May, 1706) the Legate (Tournon) replied that the Jesuits «in their cabals and evasions had no other resource than to obtain from a Pagan Emperor what they could not hope for from reason and sound theology» that the men of Letters «were all atheists and idolaters at the same time»; and that the Emperor himself professed nothing else but a mixture of atheism and idolatry... Ib.138.

[18] Tandis que le P.Couplet faisait partir l'histoire certaine de la Chine du règne de Houang-ti en 2697 av.J.C, le P.Du Halde ne fait commencer le cycle sexagénnaire donc l'histoire certaine de la Chine, qu'au règne de Yao en 2357 av.J.C...

Bornons nous à constater que l'audace des Jésuites en ce qui concerne la chronologie chinoise, loin de croître avec le temps ne faisait que diminuer. Il suffit, pour s'en rendre compte de remarquer que du P.Martini au P.Couplet et du P.Couplet au P.Du Halde, la chronologie chinoise se trouvait réduite de six siècles.

... et qu'elle tendait de plus en plus à satisfaire les chronologistes es plus intransigeants...

Ainsi donc les Jésuites de Canton, Jésuites de Paris, Fréret en apparence, pour des raisons diverses et avec des méthodes différentes, enlevaient tout venin à la chronologie chinoise...

Elle s'adaptait (cette chronologie) de plus en plus au calcul des temps le plus court, elle tendait à rendre impossible désormais la négation du Déluge universel en vertu de l'exemple chinois...

La Chine et la Formation de l'esprit philosophique en France, p. 265.

... Si bien que (pour Martini) l'histoire authentique de la Chine remonte à l'an 2952 av.J.C. Ib.201.

[19] Les Jésuites avaient entrepris cette évangélisation sur une échelle cyclopéenne et s'étaient dressés contre les autres missions catholiques, franciscaines, capucines et dominicaines, qui toutes croyaient en la politique de la table rase cad en l'absence totale de compromis avec les cultures et modes de pensée de l'étranger. Selon cette doctrine opposée à celle des Jésuites, les missions chrétiennes devaient tenter de convertir les masses et détruire de fond en comble les civilisations païennes...

Amaury de Riencourt, L'Âme de Chine, p.230.

[20] Mais il faut renoncier que ce changement fondamental de l'action missionnaire eut une autre cause; sans le comprendre clairement, les autorités religieuses d'Occident avaient senti par intuition que les civilisations asiatiques commençaient à s'écrouler ainsi que leurs valeurs culturelles, tandis que les classes dirigeantes tombaient en décadence... (Ib.231)

[21] Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.98,99. -- La Chine et la formation de l'Esprit philosophique en France, p.77, 78.

[22] Henri Bernard Maître, Sagesse Chinoise et philosophie chrétienne, p. 103. -- Nguyễn Văn Thọ, Khổng học tinh hoa, tr.29.

[23] Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.113. -- Nguyễn Văn Thọ, Khổng học tinh hoa, tr.33.

[24] MM. des Mission étrangère sentent que leur «coup de Chine comme dit le P. Léonard, va être manqué s'ils ne pressent un peu les lenteurs du Saint Office en lui forçant la main par un coup d'éclat. Aussi ils jettent le gant aux Jésuites en publiant la Lettre de Messieurs des Missions Étrangères au Pape sur les idolâtries et les superstitions chinoises, et ils défèrent à la Faculté de Paris les Nouveaux Mémoires sur l'état présent de la Chine du P.Lecomte, l'Histoire de l'Edit de l'Empereur de la Chine du P. Le Gobien et la Lettre au duc du Maine sur les cérémonies de la Chine du P. Le Comte. De ces ouvrages ils tirent six propositions qui leur paraissent particulièrement dangereuses et qu'ils demandent à la Sorbonne de condamner:

(1) La Chine a conservé pendant plus de deux mille ans avant la naissance de J.C. la connaissance du vrai Dieu; (2) Elle a eu l'honneur de lui sacrifier dans le plus ancien temple de l'univers; (3) Elle l'a honoré d'une manière qui peut servir d'exemple même aux chrétiens; (4) Elle a pratiqué une morale aussi pure que la religion; (5) Elle a eu la Foi, l'humilité, le culte intérieur et extérieur, le Sacerdoce, les Sacrifices, la Sainteté, les miracles, l'esprit de Dieu et la plus pure charité, qui est le caractère et la perfection de la véritable religion; (6) De toutes les nations du monde, la Chine a été la plus constamment favorisée des grâces de Dieu... Cf. La Chine et la formation de l'Esprit philosophique en France, p.98.

... Le 18 Octobre 1700, la Faculté condamna les cinq propositions qui lui étaient déférées. Si l'une de ses propositions (la seconde) était seulement qualifiée de fausse et téméraire d'autres, telles la troisième, étaient flétries plus vigoureusement: «Cette proposition est fausse, téméraire,

scandaleuse, impie, contraire à la parole de Dieu, et hérétique, elle renverse la Foi et la Religion chrétienne et rend inutiles la Passion et la mort de Jésus - Christ. -- Ib, p.103.

[25] On représente dans le Chu-king ces sages Empereurs en posture de suppliants devant le Chang-Ti, pour détourner les malheurs dont leurs descendants sont menacés... Ce qui est encore à remarquer, c'est qu'ils n'attribuent rien au Chang-Ti, qui ne soit de la décence, et qui ne convienne au souverain Maître de l'Univers. Ils lui attribuent la puissance, la providence, la science, la justice, la bonté, la clémence: ils l'appellent leur Père, leur Seigneur: ils ne l'honorent que par un culte et des sacrifices dignes de la Majesté suprême, et par la pratique des vertus; ils assurent que tout le culte extérieur ne peut plaire au Tien, s'il ne part du coeur, et s'il n'est animé des sentiments intérieurs...

P.J.B. Du Halde, Description géographique, historique chronologique, politique et physique de l'Empire de la Chine et de la Tartarie Chinoise, Tome 3 (1736), p.6.

... Leur culte avait pour premier objet un Etre suprême, Seigneur et souverain Principe de toutes choses, qu'ils honoraient sous le nom de Chang-Ti, c'est-à-dire, suprême Empereur, ou de Tien, qui selon les Chinois, signifie la même chose... (Ib, p.3)

[26] Ib.p.14,15.

[27] Il semble que ce ferait faire injure à ces premiers Chinois qui ont suivi la Loi de la nature, qu'ils avaient reçue de leurs pères, que de les taxer d'irreligion...

Du Halde, Description géographique, historique chronologique, politique et physique de l'Empire de la Chine et de la Tartarie Chinoise, Tome 3, p.15.

[28] Ces vrais savants, uniquement attachés au texte des Livres Clasiques, ont la même idée du Premier Être, que les anciens Chinois, et entendent comme eux, par les mots de Chang-Ti et de Tien, non pas le ciel visible et matériel, ou une vertu céleste inanimée et destituée d'intelligence, mais le Premier être, l'Auteur et le Principe de tous les êtres, le suprême Seigneur, qui dispose de tout, qui gouverne tout, qui perce dans le secret des coeurs, à qui rien n'est caché, qui punit le vice, et récompense la vertu, qui élève et abaisse ceux qu'il lui plait, qu'on doit honorer par la pratique de la vertu... (Ib.p.39.)

[29] On consulta de même des Princes, des Grands de l'empire, des premiers Mandarins, et des principaux lettrés, entre autres le Premier Président de l'Académie Impériale, laquelle est composée des Docteurs célèbres, qui sont proprement les Gens de lettres de l'Empereur. Tous parurent surpris qu'il y eut des Savants en Europe que puissent croire que les Lettrés de la Chine honoraient un Être inanimé et sans vie, tel que le ciel visible et matériel; et tous déclarent qu'en invoquant le Tien ou le Chang-ti, ils invoquaient le Suprême Seigneur du Ciel, l'Auteur et le Principe de toutes choses, le Dispensateur de tous les biens, qui voit tout, qui connaît tout, et dont la sagesse et la providence gouverne cet Univers. (Ib. p.40)

[30] Presque tous les autres Jésuites furent amenés à élaborer une sorte d'oeuvre commune, le «Confucius sinarum philosophus» qui devait synthétiser leur apologétique constructive d'une manière systématique...

Quatre supérieurs de la compagnie l'avaient approuvé successive ment (Ignace a Costa, Jacques le Faure, Mathias a Ma_a, Félicien Pacheco) et douze missionnaires l'avaient révisé (Antoine de Gouvea, Pierre Canevari, François Brancati, Jean François de Ferraris, Jumbert Augeri, Adrien Grelon, Jacques Motel, Jean Dominique Gabiani, Emmanuel Georges, Philippe Couplet, François Rougemont, Christian Herdtrich)...

Henri Bernard Maître, Sagesse Chinoise et philosophie chrétienne, p.128-129.

- [31] C'est un Maître excellent de la moralité (le Tchoung-joung)... c'est comme une aurore bienfaisante qui apporte les clartés de la vérité, prélude et préambule du soleil évangélique... (Ib.p.130)
- [32] Il faut pourtant prendre garde à une chose, c'est que suivant l'exemple des fondateurs de cette mission..., nous ne recommandions et ne louons Confucius auprès des Chinois qu'avec une extrême modération, de peur que notre témoignage et notre autorité n'augmente l'estime accordée à cet homme au delà de ce qui est juste... Cependant, il nous faut encore plus redouter de condamner ou de blesser,... celui que la nation tout entière loue et vénère tant de peur de nous rendre odieux nous mêmes, avec le Christ que nous prêchons; si nous méprisons et condamnons celui qui a donné tant d'enseignements conformes à la raison et qui s'est toujours appliqué à régler sa vie et sa conduite d'après sa doctrine, peut-être aux yeux des Chinois, paraîtrons-nous, nous autres Européens, des adversaires non point tant de leur Maître que de la raison elle-même, plus désireux d'éteindre ses lumières que de combattre l'influence de Confucius... (Ib.1p.30)
- [33] Dès lors, les Jésuites se sentirent sur un terrain assez solide pour tenter un syncrétisme grandiose, par lequel ils auraient voulu faire fusionner la morale confucianiste avec le catholicisme romain, ils élaborèrent donc un plan audacieux, préconisant l'établissement d'une église chinoise autonome avec ses propres rites chinois et ils le proposèrent au Vatican. La première décision du Pape Innocent X, prise en 1645, fut défavorable aux Jésuites, et une dernière bulle papale condamna leur action en 1742, avec une précision mortelle. – Amaury de Riencourt, L'Âme de la Chine, pp.226-227.
- [34] Les cent années qui séparent ces deux dates furent remplies de controverses ardentes et confuses, qui n'avaient trop souvent aucun rapport avec la théologie et auxquelles les dominicains prirent part en se montrant exceptionnellement durs pour les Jésuites... Et l'Empereur K'ang-Hi prit le parti des Jésuites dans les discussions théologiques... (Ib. p.227)
- [35] «They (the jesuits) murder kings, poison Legates, kill Cardinals, cause Revolutions, disguise scoundrels as saints, dishonour families, seduce virgins, ruin Christianity in infidel countries, preach idolatry, rebel against the Holy See, and mock at the Church – that is what the Society can do and has done.» (Anecdotes sur l'état de la religion en Chine ou Relations de M. le Cardinal de Tournon, patriarche d'Antioche... écrites par lui-même. Paris 1733-1742, 7 vol. In 12. – IV, p.402) cf, Malcolm Hay. Failure in the Far East, p.157.
- [36] The World and the West, Oxford 1953, pp.63,64 The historical importance of Dr Toynbee's thesis was recognised nearly twenty years ago by Otto Karrer. «The last attempt on a wide scale», he wrote, «to take account of the native mind was made in the Far East by the Jesuit missionaries of the 17th century. It failed... The decisions in the controversy of the Chinese Rites destroyed the Far Eastern mission which has begun so auspiciously.» (Religions of Mankind, London 1936, p.225) Cf. Malcolm Hay, Failure in the Far East, p.6, note 1.
- [37] Đọc Failure in the Far East, các trang: Moralès: 102, 128, 166; Navarette: 102, 104, 107, 109, 113, 128, 129, 130n, 166; Maigrot: 116, 117, 120-122, 125, 142-145, 147, 154, 164; Tournon: 101n, 125-127, 130, 132, 135, 140, 142, 143, 145, 146, 157, 161, 164, 168, 171; Mezzabarba: 147, 149, 150, 152.
- [38] Evariste Régis Huc, Le Christianisme en Chine, en Tartarie et en Tibet, Paris 1957. Vol. III p.x.
 - Léon Wieger, Histoire des croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine, 1922, p.715.
 - Méthode de l'apostolat moderne en Chine, Hongkong, 1911.

- Malcolm Hay, Failure in the Far East, pp. 168-169.

[39] Xem lại các chú thích nơi tiết 1 bài này.

[40] Malcolm Hay, Failure in the Far East, p.102.

[41] Malcolm Hay, Failure in the Far East, p.102.

[42] Ib. p.103

[43] Ib. p.102

[44] Ib. p.103

[45] Le 19 mars 1715, il (Clément XI) publiait enfin une nouvelle bulle sur le même sujet. Celle ci renforçait encore la première:

(1) T'ienn-tchou est le seul mot chinois exprimant l'idée de «Dieu» donc la tablette Tsing T'ienn (Kính Thiên) est interdite.

(2) Les fêtes solennelles ou oblations solennelles offertes à Confucius à chaque équinoxe sont de l'idolâtrie. Défense de présider, de servir en ces occasions ou d'y assister.

[46] Cérémonies, oblations et formules de respect à l'égard des parents morts soit aux temples des ancêtres, soit à la maison ou sur les tombes, sont de l'idolâtrie et sont en conséquence, défendues.

[47] Pour ceux qui sont des assistants à toutes ces cérémonies, une protestation publique ou secrète ne supprime pas le péché d'idolâtrie, cependant la simple présence n'est pas interdite, quand il s'agit d'éviter un scandale, et pourvu qu'il n'y ait pas approbation tacite ou expresse...

[48] Pour les tablettes des morts, défense de garder celles ou les mots «siège ou trône de l'esprit ou de l'âme» sont inscrits. Seul le nom doit figurer.

[49] Les missionnaires avant d'être institués, doivent s'engager par serment à observer fidèlement ces règles.

Les Jésuites en Extrême Orient, p.177.

Failure in the Far East, p.125, 147.

Cf. Les Jésuites en Extrême Orient, p.186.

Ib. 187.

Failure in the Far East, p.166.

[50] Ib. p.175

[51] Ib. p.186

[52] But Pius IX in an Encyclical dated August 10th, 1863, declared that: «Those who lie under invincible ignorance as regards our most Holy religion, and who, diligently observing the natural law and its principles... lead a good and upright life, are able, by the operation of the power of divine light and grace, to obtain eternal life.» Failure in the Far East, p.129n.

Ấy là chưa kể các thông điệp khác về sau này đã quả quyết điều đó; xin đọc Lumen gentium 6; Gaudium and Spes 22; At Gentes 7. – Spiritus, Cahiers de spiritualité missionnaire no.39, p.386.

[53] Deux siècles plus tard, le 8 décembre 1939, le Vatican revint sur sa décision et déclara officiellement que le culte des ancêtres et les rites confucianistes n'étaient pas incompatibles avec la foi chrétienne. Mais cette prise de position venait deux cents ans trop tard. Cf. Amaury de Riencourt,

L'Âme de la Chine, p.227. - Xin đọc bản dịch tiếng Anh sắc chỉ này trong Failure in the Far East, tr.190.

[54] Xem Malcolm Hay, Failure in The Far East, p.153. và xem Du Halde, Description géographique, historique chronologique, politique et physique de l'Empire de la Chine et de la Tartarie Chinoise Tome 3, 40,41. (Có hình chụp lại bức hoành phi và 2 câu đối nói trên)

[55] Ils (les missionnaires) convinrent que si l'Empereur prononçait sur la véritable signification du Tien et du Chang-ti, en déclarant qu'il entend par ces mots, le Seigneur du ciel, et non pas le ciel matériel, leurs doutes se dissiperaient, et qu'ils ne feraient pas l'injustice aux Savants de ce grand Empire, de les regarder tous comme de vrais Athées... lb.p.40

[56] Xem Nguyễn Văn Thọ, Khổng Học tinh hoa, tr.21,22 và chú thích.

[57] Xem Failure in the Far East, tr.133

[58] lb.133.

[59] How it is the Emperor asked, that the Pope has based his decision on the report of men who were ignorant of Chinese affairs, and knew little of the Chinese language?... The legate replied that «The Pope had been assisted by the Spirit of God, who does not allow Popes to make mistakes in matters which concern the faith of Christians»... The Emperor said that he had compared the Chinese translation of the Bull Ex Illa die with the decree of Bishop Maigrot and found they were identical, so that «if the Pope had made his decision by the inspiration of the Holy Spirit, then Maigrot was the Holy Spirit of the Christians». lb. p.147.

[60] La Chine et la formation de l'Esprit philosophique en Chine, p.119.

[61] Khang-si, dans une dernière entrevue avec le légat, lui remit pour le pape plusieurs présents, dont un bloc de sel gemme lequel avait la réputation d'aiguiser l'esprit. Les Jésuites en l'Extrême Orient, p.180-184.

[62] lb. p.186.

[63] Sacred Books of the East, Vol. XVI, The Yi King (translated by James Legge), Preface XIX,XX.

[64] Khang Hi trao trả cho sứ thần Mezzabarba thông điệp Ex Illa Die với lời ngự phê đại khái như sau:

«Tout ce qu'on peut dire en voyant ce décret est de se demander comment les Européens ignorants et méprisables osent parler de la Grande Doctrine des Chinois, eux qui n'en connaissent ni les règles, ni les pratiques, et ne peuvent comprendre pas même les caractères qui la fixent.

«Aujourd'hui le légat apporte un décret qui ressemble à ce qu'enseignement les sectes impures des Hoxans (religieux bouddhistes) et des Tassous (religieux taoistes) qui se déchirent avec une cruauté impitoyable.

«Il n'est pas à propos de permettre aux Européens d'annoncer leur loi à la Chine. Il leur faut défendre d'en parler, et par ce moyen, on s'épargnera bien des affaires et bien des embarras... «Moi Empereur, qui m'applique à démêler ce qui est d'avec ce qui n'est pas, moi qui sais parfaitement distinguer le vrai d'avec le faux, j'ai disputé avec Yenn-tang (Mgr Maigrot) pendant plusieurs jours sur les articles précédents, et j'ai démontré qu'on ne pouvait pas les approuver.

«Cet homme ne connaît pas cinquante caractères chinois, et encore n'en a-t-il jamais bien pénétré le sens. Il est allé communiquer à Rome les troubles qu'il avait répandus à la Chine. Cet homme est

devenu 'ennemi de la religion chrétienne; il s'est rendu coupable de révolte dans l'Empire.

«Mais n'est-il pas surprenant que tant de personnes que j'ai envoyées à Rome, pas une ne m'a fait réponse et n'a dit un mot pour me tirer de peine. On a poussé le crime jusqu'à tuer en secret ceux que j'avais chargés de mes ordres.

«Tous ces malheurs sont des suites de l'ignorance de Yenn-tang qui n'a su écrire correctement deux caractères de ma langue. Il a indisposé tout le monde contre lui en Chine. Il mérite d'être rangé avec les Hoxans et les Tassous qui suivent comme lui une doctrine perverse.»

Les Jésuites en l'ExtrêmeOrient, p.183.

... Un Jésuite français éclaire ce point précis:

«L'Empereur devient tout mal plaisant et n'a que dégoût de nous, quand il voit déjà deux légats du Saint Siège n'être venus de si loin que pour lui enseigner la grammaire chinoise et lui apprendre de la part de Mgr Maigrot que le T'ien changti de l'antiquité ne signifie que le ciel matériel et le «ling groé chin hoei» des tablettes ne signifie que la présence réelle des âmes... Cela nous fait sécher de douleur.» lb. p.184.

[65] ... Ferdinand Verbiest, astronomer, mathematician, engineer, who spent 40 years in China and earned the amity and admiration of the Chinese intellectuals. Verbiest had the misfortune to be the Jesuit Superior in China when Pallu and Maigrot arrived there in 1864, to give him instruction how to convert the Chinese.

Few people in the Catholic world today, apart from specialists in the history of missions, know the story of J.H.M. de Prémare (1665-1735), one of the greatest sinologists of all time. Although he had worked on Chinese texts for more than 30 years, he was ordered, by Roman ecclesiastics who did not know a word of language, to deny the meaning he had found in them. He was permitted to remain in office only on condition that he would agree, like the rest of his brethren, to retract his opinions under oaths...

Malcom Hay, Failure in the Far East, p.154.

Các giáo sĩ sở dĩ không dám dịch Thiên, Thượng đế là Dieu vì e làm thế sẽ khó giảng đạo, vì như vậy công nhận Trung Hoa đã biết chân Chúa từ lâu. Các giáo sĩ cho biết bên Nhật đã dùng chữ Thiên, Thượng đế để dịch chữ Dieu, nhưng sau đã làm nhiều trí thức tân tông bỏ Công giáo. (Des défections retentissantes de chrétiens influents apprirent bientôt aux missionnaires combien il était périlleux au Japon, de se servir des termes chinois, comme Chang-ti, Tien pour Dieu; ils en avertirent le visiteur, le P. Pasio qui en référé aussitôt au nouveau supérieur de la mission de Chine, le P. Longobardo. (Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.110). Vì thế sau này Longobardo dịch Thiên, Thương đế là trời, là ảnh hưởng các nhà khoa bảng công giáo Trung Hoa rất bất mãn.

[66] Le ciel n'est pas la divinité, mais le siège de la divinité. Peut-être par ce mot que vous croyez signifier le ciel, votre Confucius a-t-il voulu désigner cette intelligence suprême qui gouverne le ciel et la terre, mais l'ignore ce qu'il a pensé au juste (quid ille senserit ignoro)

Catéchisme du P. Ruggieri (1584), Operice storiche, Tome II, p.507-520

Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.99.

[67] A.M. Bùi Hữu Ngạn, Thương đế trong Nho giáo, tr.47.

[68] Khổng Tử viết: «Đại tai Nghiêu chi vi quân. Duy Thiên vi đại, duy Nghiêu tắc chi.» Mạnh Tử, Đằng

Văn Công, chương cú thượng, 4.

- [69] Tứ loại vu Thượng đế. Thư Kinh, Thuấn điển, 6.
- [70] Dĩ chiêu thụ Thượng đế. Thượng Thư, Ích tắc, 2. James Legge đã dịch Dĩ chiêu thụ Thượng đế là: You will brightly receive God. (J. Legge, The Shoo King, part II, book IV, ch.1,2,4 note p.79)
- [71] Thư Kinh, Vũ cống, tr.38.
- [72] Ngô quân chi đức dữ Thiên vi nhất. - Couvreur, Chou King, p.89.
- [73] Ân chi vị táng sư, khắc phối Thượng đế. (Thi Kinh, Đại nhã tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất, chương 6)
- [74] Thư Kinh, Thái thế thượng, 5-10.
- [75] Thi Kinh, Đại nhã, đại minh, 7.
- [76] Thư Kinh, Duyệt mệnh thượng 2; Hồng phạm 3-15; Kim đằng 7.
- [77] Thư Kinh, Thuấn điển- Thái giáp hạ 3; Bàn canh hạ 6; Thái thế thượng 6, 7, 10; Thái thế hạ 3; Vũ thành 6.
- [78] Thư Kinh, Thái thế 7; Thái giáp thượng 2.
- [79] Thư Kinh, Thái giáp thượng 5; Duyệt mệnh trung 10; Y huấn 2.
- [80] Thư Kinh, Thang cáo 2.
- [81] Thư Kinh, Thang cáo 2
- [82] Legge, The Shoo King, part II, book III, 2 notes
- [83] Thư Kinh, Thang cáo 4.
- [84] Luận ngữ, chương XX-3.
- [85] Dịch, Hệ từ thượng, ch.7, câu 2.
- [86] Dịch, Thuyết quái, ch.7, câu 1.
- [87] Dịch, Hệ từ thượng, ch.11, câu 5.
- [88] Trung Dung, ch.33.
- [89] Thư Kinh, Duyệt mệnh thượng 2.
- [90] Thi Kinh, Đại nhã tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất.
- [91] Thi Kinh, Đại nhã, Văn Vương, Hoàng hĩ Thượng đế 5,7,9.
- [92] Thư Kinh, Hồng phạm 3.
- [93] Thư Kinh, Hồng phạm 3.
- [94] Xuân Thu, Trang Công năm 2.
- [95] Thư Kinh, Thái thế 9.
- [96] Thư Kinh, Đại cáo.
- [97] Thư Kinh, Thái thế thượng 11.
- [98] Thư Kinh, Thái thế trung 7.
- [99] Thư Kinh, Thái thế 1. -- Xem thêm: Nguyễn Văn Thọ, Khổng học tinh hoa, tr.8, 34.
- [100] Xuân Thu Tả Truyện, Tương Công năm 14. -- Couvreur, Le Chou king, p.310.
- [101] Thi Kinh, Đại nhã, Văn Vương, Hoàng hĩ Thượng đế 1.
- [102] Thi Kinh, Văn Vương, Hoàng hĩ 3.
- [103] Phàm nhân giai vân Thiên chi tử. Thiên tử vi chi thủ nhĩ. -- J. Legge, The Shoo King, p.425.
- [104] Thi Kinh, Đại nhã, Sinh Dân, Bản, 6.

[105] Thư Kinh, Dân chính 6; Thang cáo; Đại cáo 8.

[106] Thư Kinh, Thái giáp hạ 3; Thiệu cáo 14.6; Quân thích 8.

Thi Kinh, Đại nhã, Văn Vương 9; Chu tụng, Thanh miêu, Tư văn 1.
Trung Dung, ch. 31.

[107] Longobardo conclut sa longue déposition par ces mots: «C'est en cela que consiste tout le noeud de nos difficultés et de nos controverses.» Premières difficultés et premières controverses dont le résultat fut heureux, car elles mirent en pleine lumière le bien-fondé du principe du Père Ricci: s'il est vrai en effet que les lettrés modernes sont dans l'ensemble, athées et matérialistes, il ne l'est pas moins que les textes anciens se prêtent à une interprétation spiritualiste. -- Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.115.

Sous la dynastie T'ang (Đường) s'étaient répandues les connaissances mathématiques, cosmologiques et autres, des Indiens et des Arabes. A cette lumière nouvelle, le taoïste Tch'enn Toan (mort vers 990) reprit l'examen de la cosmologie de Lao-tzeu et de l'antique science chinoise des nombres (I-king). Le résultat fut une philosophie athée puisqu'elle ne recourt à rien qui fut avant le T'ai Ki, l'être primordial de Lao-tzeu, et matérialiste puisqu'elle attribue à une formule (Li, la norme immanente dans l'être primordial), l'énation de tout ce qui est hors de cet être primordial. Ces spéculations de Tch'enn-toan étaient purement philosophiques et abstrayaient complètement de toute religion. -- Wieger, Histoire des croyances ..., p.657 et suiv.

Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.76

... Cette philosophie s'incarne dans la personnalité de Tchou Hi (1130-1200)

Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.77

... Il (Tchou Hi) se posa le problème de la Cause première et des Causes finales, mais ce problème il ne le posa que pour refuser de le résoudre, et il n'ouvrit la porte que pour la refermer... Sans doute il admit la notion d'un T'ai Ki, premier principe spirituel, cause du monde et souverain bien; mais ce fut pour plonger aussitôt ce premier principe dans la nature, pour l'emprisonner définitivement au sein de la matière... (Ib.78)

... Pas de Dieu, pas de Souverain, pas de Juge, pas de Providence, quoi qu'en aient dit les anciens...

Wieger, Histoire des croyances..., p.668-669)

[108] Trung Dung, chương 1

[109] Chu Tử nhận Trung Dung vi thượng cổ thần thánh kế Thiên lập cực sở truyền chi đạo thống. Hồ Hoài Thâm, Trung Quốc tiền hiền học thuyết, tr.66

[110] Et il (Tchou-Hi) conclut par ce cri d'enthousiasme: «En un mot, le Saint est le Ciel personnifié». Cf, P. Stanislas Le Gall, Le philosophe Tchou-Hi, sa doctrine, son influence, pp.63 et ss.

[111] Xem Chu Dịch, Nguyễn Duy Tinh dịch, tr. 362.

[112] Le T'ai Ki et le Li conduisent à l'Athéisme. -- Du Halde, Description... de l'Empire Chinois, Tome 3, p.38.

[113] Ils donnèrent au principe de toutes choses le nom de Tai ki et comme ce nom, de l'aveu même de Tchou Tze, qu'ils suivent dans leur système, n'a jamais été connu ni de Fo Hi, Auteur du Y king et fondateur de la Monarchie, ni de Ven Vang, et de Tcheou Kong son fils, ses interprètes qui ne sont venus que dix sept cent ans après Fo Hi, selon l'opinion de plusieurs Chinois, ils s'appuient de l'autorité de Confucius. Ib.p.36.

[114] Et comme ces deux mots Tai ki signifient grand pole, ou grand faite: ils disent qu'il est, par rapport à tous les Êtres, ce qu'est le faite par rapport à un édifice; qu'il sert à unir ensemble, et à conserver toutes les parties de l'univers, de même que le faite assemble et soutient toutes les parties qui composent le toit d'un édifice.

Ailleurs ils le comparent à la racine de l'arbre, et à l'essieu d'un chariot: Ils l'appelle le pivot, sur lequel tout roule; la base, la colonne, et le fondement de toutes choses. Ce n'est pas, disent ils, un Être chimérique, qui soit semblable aux vides de la secte des Bonzes: c'est un être réel, qui existe véritablement, et c'est ce qu'on conçoit qui existe avant toutes choses...

Du Halde, Description... de l'Empire chinois, Tome 3 p.36,37.

[115] Je croirais volontiers que beaucoup de philosophes orientaux ne diffèrent point des platoniciens et des stoiciens qui ont considéré Dieu comme âme du monde ou la nature universelle immanente aux

choses... -- Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.158. Les Chinois appelle la Li (par excellence) l'être, la Substance, l'Entité. Cette Substance selon eux est infinie, éternelle, incréée, incorruptible, sans principe et sans fin. Elle n'est pas seulement le principe physique du ciel, de la terre et des autres choses corporelles; mais encore «le principe moral» des vertus, des habitudes et des autres choses spirituelles.... Elle est invisible, elle est parfaite dans son être au souverain degré, ... elle est même toute sorte de perfections... Ils appelle la Li «La Nature» des choses, je crois que c'est comme nous disons que Dieu est la «Nature naturante». Ib. p.161.

[116] La norme s'appelle aussi T'ai-ki, le grand axe, parce qu'il meut tout dans l'univers. Maître Tcheou lui a encore ajouté l'épithète de Ou-ki (Vô cực) pour exprimer sa nature incorporelle. C'est l'impalpable moteur qui ne tombe pas sous les sens. -- L. Wieger, Textes philosophiques, Tom 1, p.180.

[117] L'être premier duquel est issu tout ce qui est, c'est Đạo, le Principe, c'est Hoàng cực, le Pôle Auguste, c'est Thái Cực, l'Apogée, Noms d'emprunt, car l'être primordial est indéfinissable, innommable, ineffable. L. Wieger, Histoire des croyances..., p.659.

[118] Xin xem Thái Cực luận của tác giả, bản Ronéo, nhất là nơi Tổng luận.

Xin đọc thêm Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.116, có một đoạn dài ghi lại 2 ý kiến tương phản về Thái Cực. Một bên là các giáo sĩ lấy lịch sử chứng minh rằng trong dĩ vãng không hề bao giờ có đền thờ Thái Cực mà chỉ có đền thờ Trời. Như vậy Thái Cực không phải là Trời. Một bên là các tiến sĩ Công giáo Trung Hoa chủ trương ngược lại và cho rằng họ hiểu tinh thần các sách Trung Hoa hơn người Âu Châu.

[119] Xem Thái Cực luận của tác giả, phần Tổng luận.

[120] Il y a eu un certain David de Dinant sous le règne des scolastiques qui soutenait que Dieu était la matière première des choses. On pourrait dire quelque chose semblable de Spinoza, qui paraît soutenir que les créatures ne sont que des modifications de Dieu. -- Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p.161.

[121] Xem Teilhard de Chardin (Plon), p.114.

[122] Tạ Vô Lượng, Trung quốc triết học sử, thiên III thượng, tr.58.

[123] Dịch kinh Đại toàn, Chu Hi đồ thuyết, tr.14.

[124] Xem Thánh Kinh, Phúc Âm Joan, chương dẫn nhập.

[125] Xem Apocalypse 1,8 và 18 Evangile Jean, Prologue, 3,4.

[126] Cf. G. Pauthier, Les Livres sacrés de l'Orient, Introduction pp. vii et ix: «Dans l'histoire comme dans la poésie, dans les manifestations religieuses comme dans les spéculations philosophique l'Orient est l'antécédent de l'Occident...»

Nous devons donc chercher à le connaître pour nous bien connaître nous-mêmes... A mesure que les connaissances sur l'Orient se développeront, on verra se révéler, comme un monde nouveau, une civilisation merveilleuse que l'antiquité n'avait pas même soupçonnée. On sera surpris de voir ce qu'étaient les Anciens en comparaison de ces vieux peuples de l'Orient, et on sera de plus en plus frappé de la vérité de cette allocution d'un prêtre d'Egypte à Solon (conservée par Platon dans son Timée): «O Athéniens, vous n'êtes que des enfants ! Vous ne connaissez rien de ce qui est plus ancien que vous; remplis de votre propre excellence et de celle de votre nation, vous ignorez tout ce qui vous a précédés. Vous croyez que ce n'est qu'avec vous et avec votre ville que le monde a commencé d'exister...» Nous ne craignons pas d'affirmer que l'étude des civilisations de l'Orient est désormais d'une nécessité absolue pour quiconque veut écrire sur les origines et l'affiliation des peuples, des langues, des arts, des religions, de la morale, de la philosophie, en un mot sur l'histoire tout entière de l'humanité...

[127] Nous ne craignons pas d'affirmer encore que la plus grande partie des livres publiés depuis la découverte de l'imprimerie (et ils sont nombreux), dont les sujets se rapportent plus ou moins directement à ceux qui sont énumérés cidessus, sont à refaire, parce qu'ils partent tous de données plus ou moins inexacts, de bases plus ou moins fragiles, de systèmes plus ou moins faux, parce qu'ils n'ont tenu aucun compte de ces importantes civilisations qui ont eu et ont encore une grande influence sur le développement général de l'humanité. C'est comme si tous ceux qui ont créé des systèmes d'astronomie avaient négligé ou dédaigné de tenir compte des astres les plus rayonnants

du système du monde. -- Cf Cheng TienHsi, La Chine, oeuvre de Confucius, p.410.